

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo kế hoạch PCCM số /KH-PCCM ngày /9/2023)

(Thực hiện từ tuần 19 đến tuần)

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2023-2024	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CD	ĐH					
1	Nguyễn Ngọc Thanh	8/1/1971		X	GD	GDHN 9; GDTC 6A2, 6A3 (4); HĐTN, HN 8C3 (3);		7	
2	Lê Nho Tập	29/7/1978		X	CNTT	Tin học 6 (4); Tin học 8C1, 8C2 (2); GDTC 6A1 (2); C.Nghệ 9 (3); C.nghệ 8C1, 8C2 (3)	CNTT (2)	16	
3	Nguyễn Thị Hiên	9/8/1976		X	Hoá	KHTN 7 (12); Hoá 9 (6); HĐTN, HN 7B2 (3)	TTCM (3); CN 7B2 (4)	28	
4	Nguyễn Thị Thía	27/12/1970		X	TD	GDTC khối 9 (6); GDTC khối 8 (6); GDTC khối 7 (6);	TTND (2)	20	
5	Nguyễn Thị Huyền Lương	8/10/1989	X		Sinh-TD	Sinh 9 (6); GDTC 6A4 (2); C.Nghệ 6A3, 6A4 (2); HĐTN, HN 6A4 (3); Nhạc khối 6 (4); HĐTN, HN 7B3 (3); KHTN 8_Sinh	CN lớp 6A4 (4)	24	
6	Hà Kiều Oanh	03/02/1996		X	Toán	Toán 8C1, 8C2, 8C3 (12); Toán 6A1, 6A3 (8); C.Nghệ 8C3 (1,5); Lý 9D2 (2)	CN 8C3 (4);	27.5	
7	Nguyễn Thị Hồng Thanh	13/4/1984		X	Toán	Toán 7B2, 7B3 (8); Toán TC toán 9D3 (5); Tin khối 7 (3), 8C3 (1); Lý 9D1 (2); Toán 6A4 (4)	CN 7B3 (4); Tổ phó (1)	28	
8	Nguyễn Thị Hương Thùy			X	Toán	Toán TC Toán 9D1, 9D2 (10); Toán 6A2 (4); HĐTN, HN 6A2 (3); C.Nghệ 6A1, 6A2 (2); Toán 7B1 (4);	CN 6A2 (4); UV CD (1)	28	
9	Hoàng Thị Nghệ	14/7/1990		X	Toán - Tin				
10	Đỗ Quỳnh Hương	01/04/1997		X	Vật lý	KHTN 6 (16); Lý 9D3 (2); KHTN 8_Lý (12)	CN lớp 6A3 (4);	34	

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2023-2024	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CD	ĐH					
13	Đỗ Thị Tuyết Lan	25/10/1972		X	GDCD, (S-H-Đ)	LS-ĐL 6 _Địa (6); khối 7 (4,5); khối 8 (4,5); Địa khối 9 (3); C.Nghệ 7 (3); GDĐP khối 8	21	21	
14	Nguyễn Thị Lan	30/9/1973		X	Ngữ văn	Văn, TC Văn 9D3 (6); Văn 7B3 (4); Sử 9 (6); GDĐP 7B1, 7B3 (2); NGLL (0,5);	CN 9D3 (4); TTCM (3)	25.5	
15	Nguyễn Thị Thu Hà	23/9/1984		X	Ngữ văn	Văn 6A1 (4); Văn 8C1 (4); GDCD khối 8 (3); GDCD 6A1, 6A2 (2); HĐTN, HN 6A1(3); HĐTN, HN 6A3 (3)	CN 6A1 (4); TKHD (2)	25	
16	Nguyễn Thị Tuyết Mai	14/11/1980		X	Ngữ văn	Văn TC văn 9D1 (6); Văn 6A2 (4); GDCD 7B1, 7B3, 7B2 (3); LS-ĐL 6 _Sử 6A1,6A3,6A4 (4,5); NGLL (0,5); GDĐP 8C1 (1)	CN 9D1 (4);	23	
17	Phạm Thị Tuyết Ngọc	24/1/1975		X	Ngữ văn	Văn 6A3 (4); Văn 7B1 (4); LS-ĐL 7 phân môn Sử (4,5); GDCD khối 9 (3); HĐTN, HN 7B1 (3)	CN 7B1 (4); PCTCĐ (3)	25.5	
18	Lê Thị Phụng	15/11/1973		X	Ngữ văn	Văn TC văn 9D2 (6); Văn 7B2 (4); LS-ĐL 8 phân môn Sử (4,5); GDĐP 7B2 (1) NGLL (0,5); GDĐP 6A1, 6A2 (2); LS-ĐL 6 phân môn Sử 6A2 (1,5); GDĐP 8C3 (1)	CN 9D2 (4);	24.5	
19	Mạc Thị Duyên			X	Ngữ văn	Văn 8C3 (4); Văn 8C2 (4); Văn 6A4 (4); GDCD 6A3, 6A4 (2); HĐTN, HN 8C2 (3); GDĐP 6A3,6A4 (2); Nhạc 8C2 (1); GDĐP 8C2 (1)	CN 8C2 (4)	25	
20	Nguyễn Thị Thương	28/6/1980		X	Mỹ thuật	MT 6 (4); MT khối 7 (3); MT khối 8 (3); MT khối 9 (3); Nhạc 8C3 (1); Nhạc 8C1 (1)	TPT (9,5)	24.5	
21	Nguyễn Thế Hoan	16/4/1975		X	T.Anh	T.Anh khối 6 (12); T.Anh khối 7 (9); Nhạc 7 (3);		24	
22	Hoàng Thị Lan Hương	27/4/1977		X	T.Anh	T.Anh khối 8 (9); T.Anh khối 9 (9); HĐTN, HN 8C1 (3)	Tổ phó (1) CN 8C1 (4)	26	

Ghi chú: Sau khi có Quyết định GV hợp đồng sẽ điều chỉnh lại PCCM

BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CMĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2023-2024	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CD	ĐH					

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG